

# Một số động thái di động xã hội của cộng đồng khoa học ở Đà Nẵng-Quảng Nam-Quảng Ngãi

VÕ TUẤN NHÂN

Trong những năm qua, cùng với việc chuyển từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ở nước ta đã xuất hiện những biến đổi trong cơ cấu các giai tầng và thành phần xã hội với những đặc điểm, chất lượng mới khác trước. Cộng đồng khoa học cũng không nằm ngoài sự biến động đó. Trên bình diện khu vực lãnh thổ nói chung, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ nói riêng, miền Trung là khu vực cần có sự ưu tiên đặc biệt nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các vùng trong cả nước, sử dụng hợp lý các nguồn lực và lợi thế so sánh trong xu thế hội nhập và cạnh tranh hiện nay. Vì vậy, tìm hiểu một số động thái di động xã hội của cộng đồng khoa học ở khu vực Đà Nẵng-Quảng Nam-Quảng Ngãi (viết gọn Đà Nẵng-Quảng Ngãi) là vấn đề cần thiết. Bài viết này tập trung vào các động thái di động xã hội nghề nghiệp, với các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phân tích tài liệu và điều tra bằng bảng hỏi. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn ngẫu nhiên tỷ lệ thuận với quy mô cộng đồng khoa học ở từng tỉnh thành: Đà Nẵng 214 người, Quảng Nam 104 người, Quảng Ngãi 128 người; tổng cộng 446 người; Quan sát (tham dự và không tham dự); Phỏng vấn sâu (24 cuộc phỏng vấn sâu cá nhân); Thảo luận nhóm tập trung (15 cuộc thảo luận nhóm tập trung); Phương pháp chuyên gia. Số liệu được xử lý bằng chương trình SPSS (cho số liệu bảng hỏi), Ethnograph (cho dữ liệu định tính: phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tập trung...). Sử dụng kỹ thuật phân tích bảng chéo (cross-tabular) và hồi quy đa biến (multivariate regression analysis) trong quá phân tích.

## 1. Khái quát về sự di động xã hội của cộng đồng khoa học khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi trước thời kỳ đổi mới

Trước thời kỳ đổi mới (1986), động thái di động xã hội của cộng đồng khoa học Đà Nẵng-Quảng Ngãi diễn ra với quy mô nhỏ, tốc độ chậm ở tất cả các loại hình và có tác động rất hạn chế đến sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Thời kỳ này xã hội được quản lý theo phương thức tập trung quan liêu bao cấp, những yếu tố tổ chức, chính trị, hành chính lấn át những yếu tố cá nhân. Không phân biệt giới tính, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, các trường hợp di chuyển trước năm 1986 khá đồng đều nhau về đặc điểm giữa 3 tỉnh thành khảo sát.

Kết quả so sánh tốc độ thay đổi nghề nghiệp cho thấy: trung bình từ 0,4 lần thời kỳ trước 1986 lên 0,8 lần thời kỳ 1997-2000. Điều đó phản ánh những hạn chế về tốc độ

di động nghề nghiệp của cộng đồng khoa học Đà Nẵng-Quảng Ngãi trước đổi mới.

Nhằm làm rõ thêm nhận định trên, phân tích hồi quy đa biến số được tiến hành với mục đích xác định các nhân tố ảnh hưởng đến di động việc làm của cộng đồng khoa học trước và sau năm 1986 cho thấy, trong mô hình hồi quy này thâm niên tuổi tác có tác động đủ mạnh đến sự di động của cộng đồng khoa học trong thời kỳ trước đổi mới. Điều này phản ánh một thực tế “sống lâu lên lão làng” trong cộng đồng khoa học.

Có thể nói, cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp đã góp phần duy trì một cấu trúc “đóng kín”, theo lối bình quân, cào bằng; sự kiểm chế và kiểm soát xã hội quá lớn, sự di động xã hội của cộng đồng khoa học được vận hành do các điều kiện khách quan mang tính tổ chức và thiết chế quy định, cơ chế kinh tế “trói chân” các nhà khoa học, đội ngũ khoa học và công nghệ thường bị “vo tròn” trong khung của chỉ tiêu pháp lệnh về sản xuất và công tác; tính năng động, sáng tạo cá nhân bị hạn chế. Như một quy luật tất yếu của sự phát triển, thời kỳ đổi mới đã đến.

## **2. Di động xã hội của cộng đồng khoa học trong thời kỳ đổi mới**

### *2.1. Di động xã hội theo lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế*

Theo lĩnh vực hoạt động, nghiên cứu cho thấy sự di chuyển của cộng đồng khoa học đến nhóm ngành kinh doanh trong các năm 1997-2000 tăng gần 2 lần so với trước đổi mới. Nhóm ngành nông-lâm-ngư nghiệp có số người chuyển sang ngành khác nhiều hơn cả; khoa học xã hội và quản lý là nhóm ngành có khả năng thu hút lớn nhất từ các ngành khác. Đà Nẵng là nơi có mức độ di động theo lĩnh vực hoạt động mạnh hơn Quảng Nam, Quảng Ngãi. Điều đó cho thấy vai trò tích cực của nhân tố thị trường và chính sách đổi mới ảnh hưởng đến sự di động xã hội theo lĩnh vực hoạt động. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy tuổi càng cao thì xu hướng di động thay đổi nghề nghiệp càng ít.

Trên 54% mẫu khảo sát là công chức nhà nước, trong đó có 64% giữ chức vụ quản lý. Thực trạng kiêm nhiệm hoặc chuyên trách trong công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể của cộng đồng khoa học trở nên phổ biến, có đến 81%. Xu hướng này cho thấy hiện tượng “hành chính hóa”, “quan liêu hóa” đội ngũ khoa học và công nghệ đã hình thành trên thực tế.

Sự di động từ khu vực kinh tế quốc doanh sang ngoài quốc doanh đã bước đầu khởi sắc. Tỷ trọng cán bộ khoa học làm việc trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tăng từ 0,9% trước năm 1986 đến 6,5% thời kỳ 1987-1996 và 7,4% trong ba năm gần đây 1997-2000. Bước đầu có sự hình thành các đơn vị khoa học công nghệ “không thuộc chính phủ” (theo Nghị định 35/HĐBT, 1992) nhưng còn quá ít, tỷ lệ này mới chỉ chiếm 5% của cả nước. Cùng với việc xây dựng và phát triển kinh tế của khu vực, xu hướng đội ngũ khoa học làm việc trong các thành phần kinh tế hỗn hợp và liên doanh sẽ gia tăng.

### *2.2. Hiện tượng đa vai trò - vị thế việc làm, nghề nghiệp*

Đa vị thế nghề nghiệp được hiểu theo nhiều chiều cạnh, nhưng trên thực tế ở khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi, hiện tượng này chủ yếu là tình trạng một người có thể làm đồng thời nhiều công việc, làm nhiều nghề. Hiện nay có gần 80% đội ngũ khoa học trong diện khảo sát có làm thêm những công việc khác nhau, trong đó chỉ

có 15% làm thêm cùng nghề chuyên môn chính. Hầu hết cán bộ khoa học đều mong muốn “nhất nghệ tinh” để tích lũy lợi thế trong khoa học, nhưng trong thực tế có hơn 64% phải làm thêm những công việc khác chuyên môn chính, mà đa số là lao động phổ thông. Đây là một biểu hiện của sự “chảy máu”, chảy máu chất xám tại chỗ. Chỉ có hơn 20% sống thuần túy bằng tiền lương. Kết quả khảo sát còn cho thấy hiện tượng tỷ lệ nghịch giữa thực tế làm thêm và mức thu nhập của đội ngũ khoa học khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi. Điều đó phản ánh một trong những nguyên nhân cơ bản của việc làm thêm ngoài chuyên môn là do tiền lương còn quá thấp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, chiến lược cá nhân trong hiện tượng đa vị thế việc làm, đó là "... gắn với nhà nước là tính đến lâu dài và ổn định, còn làm với tư nhân là giải quyết những vấn đề trước mắt về cuộc sống." Điều này phản ánh định hướng giá trị cho việc ưu tiên bảo đảm sự an toàn cho đời sống cá nhân như một nguyên tắc sống của người miền Trung.

### 2.3. Di động xã hội giữa các thế hệ

Trong cộng đồng khoa học Đà Nẵng-Quảng Ngãi, hiện tượng "con hơn cha" là phổ biến trong các loại hình nghề nghiệp. Lấy ví dụ ở Quảng Nam, trong khi chỉ có 25% người cha là công chức nhà nước thì đến thế hệ con, tỷ trọng này đã tăng lên đến 68%. Kết quả cũng tương tự đối với Quảng Ngãi. Riêng Đà Nẵng, sự thăng tiến nghề nghiệp giữa các thế hệ diễn ra mạnh mẽ hơn trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và giao thông, thế hệ con nhiều hơn 5 lần thế hệ cha. Điều đó là kết quả và cũng là thể hiện tốc độ phát triển của thành phố Đà Nẵng nhanh hơn so với hai tỉnh còn lại.

Sự thăng tiến cũng diễn ra trong các lĩnh vực giáo dục, y-tế, văn hóa và kinh doanh, dịch vụ, mặc dù với tầm vóc nhỏ và quy mô khiêm tốn. Đáng kể nhất là tỷ trọng nghề nghiệp trong lĩnh vực nông-lâm-ngư đã giảm 10 lần từ thế hệ cha đến thế hệ con (43,5% cha so với 4,5% con), thể hiện xu hướng di động đi lên của con cái hiện nay so với thế hệ tiền bối.

Trình độ chuyên môn của thế hệ những người làm khoa học hiện nay đã được nâng lên đáng kể so với thế hệ trước của họ: có 86% đối tượng khảo sát ở Đà Nẵng và 88% ở Quảng Nam hiện có trình độ đại học so với tỷ lệ 8-9% đạt được trình độ này trước đây của người cha. Xem xét ảnh hưởng của nghề nghiệp người cha đến sự thăng tiến của thế hệ con cái cho thấy, hiện nay chức vụ không còn là địa vị gán cho mà tùy thuộc nhiều vào những nhân tố khác. Giới tính, tuổi tác, trình độ học vấn là các yếu tố có tác động đến chức vụ trong cộng đồng khoa học. Cụ thể là, nam giới, với tuổi thâm niên, trình độ học vấn sau đại học có xác suất đảm nhiệm chức vụ cao hơn các nhóm khác.

Xu hướng di động giữa các thế hệ của người làm khoa học còn được tìm hiểu qua dự định nghề nghiệp của họ đối với con cái trong tương lai: 39% cán bộ khoa học không muốn con cái tiếp nối nghề mà họ đang làm; 26% có mong muốn đó, số còn lại (35%) chưa quyết định được rõ ràng. Đây là chỉ báo đáng quan tâm về truyền thống khoa học và giá trị khoa học.

### 2.4. Di động dọc và xu hướng thăng tiến cá nhân

Kết quả khảo sát cho thấy 73% cán bộ khoa học đã thay đổi địa vị công tác kể

từ năm 1986 đến nay, cao nhất ở Đà Nẵng (84%), Quảng Ngãi (69%) và ít nhất là ở Quảng Nam (58%). Thời kỳ 1996 trở lại đây tốc độ di động diễn ra mạnh hơn. Kết quả phân tích hồi quy tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi địa vị trong công tác của cộng đồng khoa học cho thấy giới tính, tuổi, tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp đạt mức ý nghĩa thống kê. Cụ thể là: nam thay đổi địa vị nhiều hơn nữ. So với người chưa có gia đình, những người đã có gia đình ổn định hơn. Những người làm việc trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa ít có sự bấp bênh hơn các nhóm khác.

Qua số liệu khảo sát chứng minh thêm cho tính năng động xã hội của nam cao hơn nữ, có 79% nam có sự thay đổi địa vị công tác từ năm 1986 đến nay, trong khi đó nữ chỉ có 61,3%. Sự thăng tiến trong công tác nam cao hơn nữ (81,2% và 67,9%). Tuy nhiên, sự giảm sút trong công tác nam cũng nhiều hơn nữ (5,4% và 1,2%). Điều này cho thấy, ngoài các nhân tố khác ảnh hưởng đến sự di động của người phụ nữ, nam thường mạo hiểm và sẵn sàng chấp nhận rủi ro hơn.

Di động dọc và xu hướng thăng tiến cá nhân có liên quan đến tuổi và thâm niên nghề nghiệp. Ở độ tuổi 46 trở lên, thay đổi vị trí đi lên trong công tác nhiều hơn các độ tuổi khác (83,7%), đồng thời cũng là độ tuổi có tỷ lệ thay đổi vị trí đi xuống trong công tác nhiều nhất (6,1%).

Di động dọc và xu hướng thăng tiến cá nhân liên quan với mức thu nhập, nhưng qua khảo sát cho thấy giữa các nhóm có sự thăng tiến và giảm sút chưa dẫn đến sự chênh lệch lớn về thu nhập. Mức phân hóa về thu nhập không lớn, 9% thuộc nhóm có thu nhập cao nhất (từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/người/tháng) và cũng 9% thuộc nhóm thu nhập thấp nhất (dưới 500.000 đồng/người/tháng). Có đến 82% thu nhập ở mức trung bình từ 500.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng.

Di động dọc của cộng đồng khoa học còn thể hiện ở sự tăng trưởng hay không tăng trưởng về trình độ chuyên môn. Tìm hiểu nguyện vọng học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cũng như nhu cầu học thêm ngoại ngữ và tin học cho thấy nhu cầu học tập rất mạnh mẽ trong cộng đồng khoa học Đà Nẵng-Quảng Ngãi. Đặc biệt nổi lên nhu cầu học tập chuyên môn của Quảng Nam cao nhất (94%).

### 2.5. Hiện tượng di chuyển theo khu vực

Di động xã hội được xem xét theo chiều cạnh chuyển dịch khu vực, và gắn liền với quá trình đó là những thay đổi trong thang bậc, địa vị nghề nghiệp. Cuộc khảo sát tập trung tìm hiểu các luồng dịch chuyển nông thôn-đô thị, sự ra-vào khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi của cộng đồng khoa học. Kết quả cho thấy các luồng di chuyển do nghề nghiệp trước thời kỳ đổi mới tập trung theo trục *nông thôn-nông thôn* và *đô thị-nông thôn*.

Xu hướng này đã thay đổi trong thời kỳ đổi mới. Luồng di chuyển theo hướng nông thôn-đô thị của cộng đồng khoa học gia tăng mạnh trong khi quy mô di chuyển về nông thôn suy giảm rõ rệt. Xu hướng tập trung vào thành thị tiếp tục gia tăng trong thời kỳ ba năm trở lại đây, đặc biệt là hình thái di chuyển chất xám trong nội bộ khu vực thành thị, mà chủ yếu là từ đô thị nhỏ đến đô thị lớn. Trong thời kỳ này địa bàn đô thị, nhất là các thành phố lớn như Đà Nẵng đã thu hút được lực lượng khoa học và công nghệ từ các tỉnh khác của miền Trung chuyển đến. Tuy nhiên, qua thảo luận nhóm tập trung tại Đà Nẵng cho biết thêm về vấn đề này: "*Cán bộ khoa*

*học ở đây chưa hoàn toàn yên tâm, những người giỏi, những người có trình độ kỹ thuật cao, họ đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn rất nhiều, rất được việc và trở nên giàu có. Lúc ở quê hương thì không được dùng đúng năng lực".* Về lâu dài, mô hình tập trung người làm khoa học tại đô thị sẽ tiếp tục thúc đẩy quá trình "chảy máu chất xám" ở khu vực ngoại vi, các tỉnh nghèo và khu vực nông thôn ngay cả trong nội bộ một tỉnh.

Song song với việc tìm hiểu di động theo trục *nông thôn-đô thị*, cuộc khảo sát còn xem xét sự di chuyển ra-vào khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi của những người làm khoa học và công nghệ. Trong tổng số 446 người được khảo sát, có khoảng một phần ba (33,7%) đã từng di chuyển nơi làm việc. Trong số đó có 53,7% di chuyển trong địa bàn tỉnh (cao nhất là ở Quảng Ngãi), 27,5% di chuyển trong nội bộ khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi. Chỉ có 13,4% là đến từ các tỉnh khác, 5,4% đến từ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Khác với di chuyển *vào* tỉnh (thành), di chuyển *ra* khỏi tỉnh của cộng đồng khoa học có xu hướng mạnh hơn. Chỉ có 7% ý kiến cho rằng số người làm khoa học-công nghệ từ nơi khác chuyển đến tỉnh nhà hiện nay là nhiều; 64% khẳng định số lượng đến là rất ít. Trên bình diện tổng thể, hiện nay đang diễn ra một thực tế là đội ngũ khoa học đang di chuyển theo hướng từ nông thôn đến đô thị nhỏ, từ đô thị nhỏ đến đô thị lớn.

### **3. Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị**

#### *3.1. Những vấn đề đặt ra*

Cùng với sự hoàn thiện từng bước về nhiều mặt của cộng đồng khoa học, trong thời kỳ đổi mới, di động xã hội của cộng đồng khoa học khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi đã diễn ra ở quy mô, mức độ, tốc độ lớn hơn; với sự biến đổi về chất, cùng những loại hình di động phong phú hơn thời kỳ tập trung quan liêu bao cấp; bước đầu đã khởi động tính năng động nghề nghiệp của cộng đồng khoa học. Tuy nhiên vấn đề di động xã hội của cộng đồng khoa học được đặt ra và có những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động khoa học và phát triển kinh tế-xã hội khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi.

Di động dọc của cộng đồng khoa học diễn ra chậm chạp, xu hướng thăng tiến cá nhân trong khoa học và bằng khoa học rất hạn chế, còn sự kiểm chế xã hội quá lớn. Hiện tượng "chảy máu chất xám tại chỗ", là có thật. Xu hướng này đã, đang và sẽ là những thách thức của khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi cũng như miền Trung hiện nay và những năm tới.

Xu hướng suy giảm về chất lượng của cộng đồng khoa học đang diễn ra với nhiều chiều cạnh. Hiện tượng "hành chính hóa", "quan liêu hóa" đội ngũ khoa học, hạn chế nhiều đến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

Việc tập trung nhân lực khoa học vào các ngành phi sản xuất vật chất đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự tăng trưởng kinh tế của miền Trung. Trong cộng đồng khoa học còn thiếu tính truyền thống nghề nghiệp; giá trị nghề nghiệp trong hoạt động khoa học chưa được đề cao.

#### *3.2. Một số khuyến nghị*

*1. Về nhận thức:* càng nghèo, thiếu tri thức càng phải cần tri thức, trọng dụng nhân tài. Thu hút hiền tài, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học là nhiệm



vụ trung tâm của sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa miền Trung. Quan điểm "chất xám của tỉnh", "chất xám của miền Trung" hiện nay phải được thay thế bằng tư duy mới "chất xám cho tỉnh", "chất xám cho miền Trung" là điều kiện cần thiết để miền Trung đi lên công nghiệp hóa-hiện đại hóa.

2. *Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ khoa học có trình độ cao; nâng cao chất lượng đội ngũ hiện có thông qua bồi dưỡng, đào tạo lại.*

3. *Tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động khoa học và công nghệ.*

Xây dựng môi trường kinh tế-xã hội thoáng mở, thực hiện dân chủ trong khoa học để cộng đồng khoa học phát huy tính năng động sáng tạo, tăng cường chính sách đầu tư cho khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn. Phát huy năng lực nội sinh của bản thân cộng đồng khoa học của khu vực hiện đang có mặt trên nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. *Cần quan tâm tạo luồng di động xã hội thích hợp:* tạo các điều kiện cho cá nhân thăng tiến trên con đường khoa học, bằng khoa học; chú trọng phát triển các ngành kinh tế sản phẩm có hàm lượng khoa học cao ; phát triển các ngành khoa học mới đầy triển vọng phù hợp lợi thế của khu vực.

5. *Có kế hoạch, cơ chế chính sách phát triển khoa học và công nghệ gắn với phát triển vùng,* theo các vùng trọng điểm kinh tế để khoa học và công nghệ gắn kết với sản xuất và đời sống. Khắc phục tình trạng bất bình đẳng quá lớn giữa nông thôn-đô thị, giữa các vùng miền đảm bảo cho công tác tổ chức lãnh thổ khai thác được tiềm năng, thế mạnh của địa phương đồng thời bảo đảm cho sự phát triển kinh tế-xã hội bền vững.

6. *Chuyên môn hóa hoạt động khoa học và công nghệ:* thành lập các cơ quan khoa học vùng, trong đó có trung tâm khoa học xã hội, các đơn vị khoa học và công nghệ trọng điểm của từng địa phương, đặc biệt khuyến khích sự hình thành các đơn vị khoa học và công nghệ "không thuộc chính phủ" của các cá nhân, tập thể, hội khoa học chuyên ngành và các tổ chức quần chúng.

#### **4. Kết luận**

Trong thời kỳ đổi mới, đất nước ta chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đã làm tăng lên sự di động xã hội của cộng đồng khoa học ở khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi. Di động xã hội của cộng đồng khoa học diễn ra theo hướng gia tăng theo trình độ phát triển kinh tế-xã hội, theo hướng từ nông thôn đến đô thị nhỏ và từ đô thị nhỏ đến đô thị lớn. Trong phạm vi 3 tỉnh thành khảo sát những người có trình độ khoa học cao thường ít di chuyển đến và có xu hướng di chuyển đi nơi khác nhiều hơn. Cùng với sự tăng lên về số lượng của cộng đồng khoa học, có sự nổi lên các hiện tượng: di chuyển theo lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế, hiện tượng đa vai trò-vị thế việc làm, nghề nghiệp... trong cộng đồng khoa học khu vực Đà Nẵng-Quảng Ngãi. Nhận diện được các động thái, xu hướng di động xã hội của cộng đồng khoa học, các nhà hoạch định chính sách, quản lý nguồn nhân lực khoa học có thể xây dựng những giải pháp điều chỉnh, tạo luồng di động xã hội thích hợp nhằm phát triển khoa học và công nghệ,

đẩy mạnh công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước.